HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH NHẠC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 66/NQ - HĐND	*Khánh Nhạc, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH NHẠC
KHÓA XXVI KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XV, kỳ họp thứ 10 về việc phân bổ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển đất trồng lúa ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu;

Căn cứ Nghị quyết số: 55/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của HĐND xã Khánh Nhạc về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã;

Xét Tờ trình số: 53 /TTr – UBND ngày 20/6/2023 của UBND xã Khánh Nhạc về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã, chi tiết cụ thể như sau:

1. Rút nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã từ nguồn tiền sử dụng đất năm 2022 với số tiền 2.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Công trình: Cải tạo, nâng cấp trụ sở HĐND và UBND xã Khánh Nhạc: 2.000.000.000 đồng.

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh.

- Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Cải tạo, nâng cấp trụ sở HĐND và UBND xã Khánh Nhạc: 2.000.000.000 đồng.

3. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng năm 2022 + 2023 với số tiền 154.651.000 đồng, chi tiết cụ thể như sau:

+ Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện dự án: Đo đạc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên: 154.651.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Uỷ ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các ban của Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND xã Khánh Nhạc khóa XXVI, kỳ họp thứ 130 thông qua ngày 30/6/2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tám

Nơi nhận:
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VP; KTNS xã.

UBND XÃ KHÁNH NHẠC

BIỂU SỐ 01: TỔNG NGUỒN VỐN TỪ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 66 /NQ - HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của HĐND xã Khánh Nhạc)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên khu đất dự kiến đấu giá	Số thu từ đấu giá đất theo Nghị quyết số ..../NQ-HĐND của HĐND huyện	Số phân chia cho ngân sách cấp xã (10%)
	Tổng số	**584,073**	**58,407**
A	**NĂM 2022**	**257,373**	**25,737**
1	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư Sành Tây, xóm 10A xã Khánh Nhạc	145,918	14,592
2	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Rộc, khu Hào xóm 2B và xóm Chùa xã Khánh Nhạc	89,584	8,958
3	Chuyển mục đích sử dụng đất	581.40	58.14
4	Đấu giá quyền sử dụng đất 70 lô còn lại	21,288.39	2,128.84
B	**NĂM 2023**	**326,700**	**32,670**
1	KDC tam và tứ Tư điền GĐ1	326,700	32,670
C	**NĂM 2024**	-	-
	Khu		
D	**Năm 2025**	-	-
	Khu		

BIỂU SỐ 02: TỔNG NGUỒN VỐN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 66 /NQ - HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của HĐND xã Khánh Nhạc)

Đvt: triệu đồng

STT	Danh mục	KẾ HOẠCH CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025				ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025				KẾ HOẠCH CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG				Ghi chú
		Tổng cộng	2021	2022-2025	Cơ cấu (Tỷ lệ %)	Tổng cộng	2021	2022-2025	Cơ cấu (Tỷ lệ %)	Tổng cộng	2021	2022-2025	Cơ cấu (Tỷ lệ %)	
A	**Tổng nguồn**	**69,362.89**	**4,956.06**	**64,406.83**		**154.65**	**0.00**	**154.65**		**69,517.54**	**4,956.06**	**64,561.48**		
1	Nguồn vốn từ đấu giá quyền sử dụng đất	60,816.86	2,409.61	58,407.25		-2,000.00		-2,000.00		58,816.86	2,409.61	56,407.25		
2	Nguồn vốn từ bồi thường GPMB	229.88	220.31	9.58		154.65		154.65		384.53	220.31	164.23		
3	Nguồn vốn từ đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020 chuyển nguồn phân bổ năm 2021	2,000.00	2,000.00	0.00		0.00				2,000.00	2,000.00	0.00		
4	Nguồn tăng thu tăng thu, tiết kiệm chi	326.15	326.145	0.00		0.00				326.145	326.145	0.00		
5	Bổ sung có mục tiêu NS cấp huyện hỗ trợ	3,000.00	0.00	3,000.00		0.00				3,000.00	0.00	3,000.00		
6	Bổ sung có mục tiêu NS cấp tỉnh hỗ trợ					2,000.00		2,000.00		2,000.00		2,000.00		
7	Bổ sung có mục tiêu CTMT quốc gia NTM	2,990.00	0.00	2,990.00		0.00				2,990.00	0.00	2,990.00		
B	**Dự phòng**	**0.00**		**0.00**		**0.00**		**0.00**		**0.00**		**0.00**		
C	**Thực hiện số còn lại**	**69,362.89**	**4,956.06**	**64,406.83**	**1.00**	**154.65**	**0.00**	**154.65**	**1.00**	**69,517.54**	**4,956.06**	**64,561.48**	**100%**	
1	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản	0.00	0.00	0.00		0.00				0.00	0.00	0.00		
2	Dự án chuyển tiếp	8,192.01	1,585.88	6,606.13		0.00				8,192.01	1,585.88	6,606.13		
3	Nhiệm vụ quy hoạch	770.00	0.00	770.00		0.00				770.00	0.00	770.00		
4	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	0.00	0.00	0.00		0.00				0.00	0.00	0.00		
5	Dự án khởi công mới	60,400.88	3,370.18	57,030.70		154.65		154.65		60,555.53	3,370.18	57,185.35		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Cấp quản lý công trình	Phân loại dự án (A, B, C)	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu so với TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Chú chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Thời gian KC-HT	TMDT					Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã				Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã			Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số	Năm 2021	Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Giải phóng mặt bằng	Tổng số	Năm 2021	Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ						4,561.88	4,561.88	3,981.0	3,981.0	580.9	580.9	110.1	470.8	470.8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	580.9	110.1	470.8	470.8	-	-	-
	Đo đạc, lập lại hệ thống hồ sơ địa chính, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã				07b/QĐ-UBND ngày 22/1/19	2019-2021	4,561.88	4,561.88	3,981.0	3,981.0	580.9	580.9	110.1	470.8	470.8															580.9	110.1	470.8	470.8			
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						95,363.81	95,363.81	22,671.6	22,671.6	54,355.7	60,400.9	3,370.2	57,030.7	51,040.7	5,990.0	0.0	2,000.0	0.0	2,000.0	2,000.0	0.0	0.0	2,154.7	0.0	2,154.7	0.0	2,000.0	154.7	60,555.5	3,370.2	57,185.3	49,040.7	7,990.0	154.7	0.0
I	Lĩnh vực quốc phòng										-	-		0.0	0.0															-	-	-	-			
II	Lĩnh vực văn hóa, thông tin						1,450.00	1,450.00	941.0	941.0	-	509.0	-	509.0	509.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	509.0	-	509.0	509.0	-		
	CT cải tạo nâng cấp chỉnh trang nhà văn hóa khu dân cư trên địa bàn xã				QĐ 100 ngày 13/3/2021	2021-2023	1,450.00	1,450.00	941.0	941.0		509.0		509.0	509.0															509.0	-	509.0	509.0			
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						40,197.75	40,197.75	5,008.3	5,008.3	19,491.7	21,671.4	2,000.0	19,671.4	14,681.4	4,990.0	-	0.0	-	0.0	0.0	-	-	-	-	-	0.0	0.0	-	21,671.4	2,000.0	19,671.4	14,681.4	4,990.0	-	
	CT cải tạo sửa chữa trường Tiểu học B Khánh Nhạc					2021-2023	3,000.00	3,000.00			3,000.0	3,000.0	1,000.0	2,000.0	1,010.0	990.0	-	-		-				-		-				3,000.0	1,000.0	2,000.0	1,010.0	990.0	-	
	CT phụ trợ trường Tiểu học Khánh Nhạc A					2021-2023	4,000.00	4,000.00	-	-	4,000.0	4,000.0	1,000.0	3,000.0	2,000.0	1,000.0		-		-				-		-				4,000.0	1,000.0	3,000.0	2,000.0	1,000.0	-	
	CT Xây dựng trường MN xóm 5				QĐ số 229 ngày 01/6/2021	2021-2023	8,500.00	8,500.00	2,500.0	2,500.0	6,000.0	6,000.0	-	6,000.0	3,000.0	3,000.0		-		-				-		-				6,000.0	-	6,000.0	3,000.0	3,000.0	-	
	XD nhà hiệu bộ, nhà bán trú và sửa chữa một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu					2022-2023	10,697.75	10,697.75				410.9		410.9	410.9															410.9	-	410.9	410.9	-		
	XD nhà đa năng và sửa chữa một số hạng mục phụ trợ trường THCS xã					2022-2023	5,000.00	5,000.00				1,768.8		1,768.8	1,768.8									-		-				1,768.8	-	1,768.8	1,768.8	-		
	XD nhà hiệu bộ 2 tầng và các hạng mục trường THCS				QĐ số 77 ngày 28/5/2021	2021-2023	9,000.00	9,000.00	2,508.3	2,508.3	6,491.7	6,491.7	-	6,491.7	6,491.7			-		-				-		-				6,491.7	-	6,491.7	6,491.7	-	-	
IV	Đảm bảo xã hội						5,120.00	5,120.00	2,515.0	2,515.0	2,605.0	2,605.0	-	2,605.0	2,605.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	2,605.0	-	2,605.0	2,605.0	-	-	
	Cải tạo nâng cấp NTLS xã Khánh Nhạc				QĐ số 290 ngày 16/11/2020	2021-2023	4,000.00	4,000.00	2,515.0	2,515.0	1,485.0	1,485.0	-	1,485.0	1,485.0	-		-		-				-		-				1,485.0	-	1,485.0	1,485.0	-	-	
	XD hàng rào nghĩa trang liệt sỹ, phía sau UBND xã và xây dựng vòi mộ nghĩa trang liệt sỹ					2021-2023	1,120.00	1,120.00			1,120.0	1,120.0	-	1,120.0	1,120.0	-		-		-				-		-				1,120.0	-	1,120.0	1,120.0	-	-	
V	Lĩnh vực y tế, dân số						3,000.00	3,000.00	1,500.0	1,500.0	1,500.0	1,500.0	-	1,500.0	1,500.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	1,500.0	-	1,500.0	1,500.0	-	-	

BIỂU SỐ 03:

CHI TIẾT TỔNG HỢP NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 66 /NQ - HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của HĐND xã Khánh Nhạc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Cấp quản lý công trình	Phân loại dự án (A, B, C)	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu so với TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Thời gian KC-HT	TMDT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT: Tr. đó: vốn NS xã	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025: Tổng số	Năm 2022-2025: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Năm 2022-2025: Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Năm 2022-2025: Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025: Tổng số	Năm 2022-2025: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã	Năm 2022-2025: Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Năm 2022-2025: Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025: Tổng số	Năm 2022-2025: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Năm 2022-2025: Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Năm 2022-2025: Giải phóng mặt bằng	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025: Tổng số	Năm 2022-2025: Nguồn thu tiền sử dụng đất	Năm 2022-2025: Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Năm 2022-2025: Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7.00	8	9	10	11	12	13.0	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26.0	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	TỔNG SỐ						137,708.41	137,708.41	55,541.1	55,541.1	63,317.7	69,362.9	4,956.1	64,406.8	58,416.8	5,990.0	-	2,000.0	-	2,000.0	2,000.0	-	-	2,154.7	-	2,154.7	0.0	2,000	154.7	69,517.54	4,956.06	64,561.48	56,416.83	7,990	154.7	-
A	DỰ ÁN NỢ ĐỌNG XDCB						-	-	-	-	-	-	-	0.0	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0		-	-	-	-	-	-	-	
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP						41,574.60	41,574.60	32,869.6	32,869.6	8,192.0	8,192.0	1,585.9	6,606.1	6,606.1		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0		-	8,192.01	1,585.88	6,606.13	6,606.13		-	
•	Dự án chuyển tiếp																																			
••	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020						41,574.60	41,574.60	32,869.6	32,869.6	8,192.0	8,192.0	1,585.9	6,606.1	6,606.1			0.0		0.0	0.0		-	-	-	-	0.0		-	8,192.01	1,585.88	6,606.13	6,606.13		-	
I	Lĩnh vực quốc phòng																													-	-	-	-			
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội																													-	-	-	-			
III	Giáo dục, dân tạo và giáo dục nghề nghiệp						14,900.00	14,900.00	13,304.5	13,304.5	1,475.8	1,475.8	1,475.8	0.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	1,475.8	1,475.8	-	-	-	-	
	TT Vốn CTXD 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ tiểu học xã				QĐ 60 ngày 31-12-2019	2020-2021	14,900.00	14,900.00	13,304.5	13,304.5	1,475.8	1,475.8	1,475.8	0.0																1,475.8	1,475.8	-	-			
IV	Y tế, dân số và gia đình										-	-		0.0																-	-	-	-			
V	Lĩnh vực văn hóa, thông tin										-	-		0.0																-	-	-	-			
VI	Phát thanh, truyền hình, thông tấn										-	-		0.0																-	-	-	-			
VII	Lĩnh vực xã hội						622.72	622.72	398.1	398.1	224.7	224.7	-	224.7	224.7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	224.7	-	224.7	224.7	-	-	
	CT XD hạng mục phụ trợ nghĩa trang nhân dân xóm 10				QĐ 39 ngày 24-3-2020	2020-2023	622.72	622.72	398.1	398.1	224.7	224.7		224.7	224.7															224.7	-	224.7	224.7			
VIII	Các hoạt động kinh tế						21,490.00	21,490.00	15,186.0	15,186.0	5,910.7	5,910.7	-	5,910.7	5,910.7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	5,910.7	-	5,910.7	5,910.7		-	
1	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và*										-	-		0.0	0.0															-	-	-	-			
2	*Giao thông*						21,490.00	21,490.00	15,186.0	15,186.0	5,910.7	5,910.7	-	5,910.7	5,910.7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	5,910.7	-	5,910.7	5,910.7	-	-	-
	XD hệ thống rãnh thoát nước vỉa hè đường DT 483 qua khu trung tâm				QĐ 180 ngày 15-9-2020	2020-2023	3,500.00	3,500.00	2,135.9	2,135.9	1,364.1	1,364.1		1,364.1	1,364.1															1,364.1	-	1,364.1	1,364.1			
	CT XD các tuyến đường giao thông 1B,3C, 4A, 4B, 5A,5B,6				QĐ 101 ngày 20-5-2020	2020-2023	8,415.00	8,415.00	7,191.7	7,191.7	830.0	830.0		830.0	830.0			-												830.0	-	830.0	830.0			
	XD hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm 2 (đường và hệ thống rãnh thoát				QĐ 96 ngày 25-5-2020	2020-2023	9,575.00	9,575.00	5,858.4	5,858.4	3,716.6	3,716.6		3,716.6	3,716.6															3,716.6	-	3,716.6	3,716.6			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Cấp quản lý công trình	Phân loại dự án (A, B, C)	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu so với TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Thời gian KC-HT	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã				Tổng số		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Giải phóng mặt bằng	Tổng số		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	
	Sửa chữa nâng cấp trạm y tế xã Khánh Nhạc				QĐ số: 219b ngày 13/5/2021	2021-2023	3,000.00	3,000.00	1,500.0	1,500.0	1,500.0	1,500.0		1,500.0	1,500.0															1,500.0	-	1,500.0	1,500.0	-	-	
VI	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						950.00	950.00	-	-	950.0	950.0	-	950.0	500.0	450.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	950.0	-	950.0	500.0	450.0	-	
	XD hệ thống loa truyền thanh xã Khánh Nhạc					2021-2022	950.00	950.00			950.0	950.0		950.0	500.0	450.0		-		-				-		-	0.0			950.0	-	950.0	500.0	450.0	-	
VII	Lĩnh vực bảo vệ môi trường										-	-		0.0	0.0															-	-	-	-	-	-	
VIII	Các hoạt động kinh tế						22,133.15	22,133.15	5,626.9	5,626.9	14,376.4	17,732.9	1,200.1	16,532.8	15,982.8	550.0	-	-	-	-	-	-	-	154.7	-	154.7	0.0	-	154.7	17,887.5	1,200.1	16,687.5	15,982.8	550.0	154.7	
1	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, điêm nghiệp, thủy lợi*						*4,230.38*	*4,230.38*	-	-	*5,457.0*	*5,457.0*	-	*5,457.0*	*5,457.0*	-	-	-	-	-	-	-	-	*154.7*	-	*154.7*	*0.0*	-	*154.7*	*5,611.7*	-	*5,611.7*	*5,457.0*	-	*154.7*	
	Đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động chỉnh lý hồ sơ địa chính thường					2021-2023	4,230.38	4,230.38			5,457.0	5,457.0	-	5,457.0	5,457.0		-	-		-	-			154.65		154.65			154.65	5,611.7	-	5,611.7	5,457.0	-	154.7	
2	*Giao thông*						17,902.77	17,902.77	5,626.9	5,626.9	8,919.3	12,275.8	1,200.1	11,075.8	10,525.8	550.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-	-	12,275.8	1,200.1	11,075.8	10,525.8	550.0	-	
	XD Tuyến đường từ ĐT 483 đến sông Kỳ Giang (thuộc xóm 4, xóm 6), rãnh thoát nước xóm 10				QĐ số:105 ngày 16/3/2021	2021-2023	6,900.00	6,900.00	2,500.0	2,500.0	4,400.0	4,400.0		4,400.0	4,400.0												-			4,400.0	-	4,400.0	4,400.0	-		
	CT Nâng cấp cải tạo các tuyến đường GT xóm 1 xã				118 ngày 29/3/2021	2021-2023	1,061.30	1,061.30	-	-	1,061.3	1,061.3	600.0	461.3	461.3												-			1,061.3	600.0	461.3	461.3	-		
	CT Nâng cấp cải tạo các tuyến đường GT xóm 2 xã				135 ngày 9/4/2021	2021-2023	1,130.00	1,130.00	-	-	1,130.0	1,130.0	600.0	530.0	530.0												-			1,130.0	600.0	530.0	530.0	-		
	CT Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm				QĐ 99a ngày 11/03/2021	2021-2023	1,050.27	1,050.27	783.5	783.5	266.8	266.8		266.8	266.8												-			266.8	-	266.8	266.8	-		
	CT Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm				QĐ 70a ngày 19/2/2021	2021-2023	1,088.60	1,088.60	810.0	810.0	278.6	278.6		278.6	278.6												-			278.6	-	278.6	278.6	-		
	CT Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm				QĐ: 11a ngày 13/01/2021	2021-2023	1,070.49	1,070.49	776.4	776.4	294.0	294.0		294.0	294.0												-			294.0	-	294.0	294.0	-		
	CT Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm				QĐ 23a ngày 26/1/2021	2021-2023	1,125.62	1,125.62	757.0	757.0	368.6	368.6		368.6	368.6												-			368.6	-	368.6	368.6	-		
	Lắp đặt biển báo giao thông, cắm mốc lộ giới các tuyến đường trục chính, và hệ thống					2021-2022	1,120.00	1,120.00			1,120.0	1,120.0		1,120.0	570.0	550.0											-			1,120.0	-	1,120.0	570.0	550.0		
	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước từ xóm 3B đến vụng xóm 10A					2021-2022	1,119.68	1,119.68				1,119.7		1,119.7	1,119.7									-		-				1,119.7	-	1,119.7	1,119.7	-		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Cấp quản lý công trình	Phân loại dự án (A, B, C)	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu so với TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Thời gian KC-HT	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã						Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã			Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số	Năm 2021	Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Giải phóng mặt bằng			Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	
	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước từ đường ĐT481 qua					2021-2022	1,117.88	1,117.88				1,117.9		1,117.9	1,117.9									-		-				1,117.9	-	1,117.9	1,117.9	-	
	Cải tiến nâng cấp tuyến đường từ đường ĐT [illegible]					2021-2022	1,118.94	1,118.94				1,118.9		1,118.9	1,118.9									-		-				1,118.9	-	1,118.9	1,118.9	-	
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ						22,512.91	22,512.91	7,080.3	7,080.3	15,432.7	15,432.7	170.1	15,262.5	15,262.5	-	-	2,000.00	-	########	2,000.0	-	-	2,000.0	-	2,000.0	0.0	2,000.0	-	15,432.7	170.1	15,262.5	13,262.5	2,000.0	-	
	Cải tạo nâng cấp trụ sở HĐND - UBND xã [illegible]				QĐsố 303 ngày 16/12/2020	2021-2023	14,300.00	14,300.00	7,080.3	7,080.3	7,219.7	7,219.7	170.1	7,049.6	7,049.6	-	-	2,000		2,000	2,000			2,000.0		2,000		2,000		7,219.7	170.1	7,049.6	5,049.6	2,000.0	-	
	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm xã	UBND xã	UBND xã	C		2021-2022	1,112.91	1,112.91			1,112.9	1,112.9	-	1,112.9	1,112.9	-	-	-		-				-		-				1,112.9	-	1,112.9	1,112.9	-	-	
	Xây dựng khuôn viên cây xanh trung tâm xã Khánh Nhạc	UBND xã	UBND xã	C		2021-2023	2,200.00	2,200.00			2,200.0	2,200.0	-	2,200.0	2,200.0	-	-	-		-				-		-				2,200.0	-	2,200.0	2,200.0	-	-	
	Sửa chữa nâng cấp nhà 2 tầng UBND xã và 1 số hạng mục phụ trợ	UBND xã	UBND xã	C		2021-2023	4,900.00	4,900.00			4,900.0	4,900.0	-	4,900.0	4,900.0	-	-	-		-				-		-	0.0			4,900.0	-	4,900.0	4,900.0	-	-	
D	NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0.00	0.00	-	-	-	-	-	0.0	-		-	-	-	-	-		-	-	-	-	0.0		-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Lĩnh vực quốc phòng										-	-		0.0	-																						
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										-	-		0.0	-																						
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										-	-		0.0	-																						
IV	Y tế, dân số và gia đình và khác										-	-		0.0	-																						
V	Lĩnh vực văn hóa, thông tin										-	-		0.0	-																						
VI	Phát thanh, truyền hình, thông tấn										-	-		0.0	-																						
VII	Lĩnh vực bảo vệ môi trường										-	-		0.0	-																						
VIII	Các hoạt động kinh tế						0.00	0.00	-	-	-	-	-	0.0	-		-	-	-	-	-		-	-	-	-	0.0		-	-	-	-	-	-	-	-	
1	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*										-	-		0.0	-																						
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										-	-		0.0	-																						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Cấp quản lý công trình	Phân loại dự án (A, B, C)	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu so với TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Thời gian KC-HT	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr. đó: vốn NS xã						Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã			Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	Tổng số		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Giải phóng mặt bằng			Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung có mục tiêu NS cấp trên hỗ trợ	Tăng thu, tiết kiệm chi NS xã	
D	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH						770.00	770.00	-	-	770.0	770.0	-	770.0	770.0		-	-	-	-	-			-	-	-	0.0		-	770.0	-	770.0	770.0		-	
	QH chung xây dựng xã Khánh Nhạc đến năm 2030	UBND xã	UBND xã	C		2021-2023	770.00	770.00			770.0	770.0	-	770.0	770.0	-		-		-				-		-				770.0	-	770.0 -	770.0	-	-	